

Danh sách

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHTPHCM, ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

Khóa thi ngày: 23/7/2025 - tại Trường

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
01	CB237001	Mai Thị Vân Anh	04/07/2005	Quảng Ngãi	7,5	7,0	Đạt
02	CB237002	Phan Nhật Anh	14/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	8,0	Đạt
03	CB237003	Lương Nguyễn Anh	04/09/2004	Đồng Nai	8,5	9,0	Đạt
04	CB237004	Võ Tuyết Anh	08/02/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	7,5	Đạt
05	CB237005	Trần Đoàn Gia Bảo	14/09/2004	Vĩnh Long	7,5	9,5	Đạt
06	CB237006	Vũ Xuân Chánh	05/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
07	CB237007	Nguyễn Ngọc Châu	08/03/2004	Đồng Nai	8,0	9,0	Đạt
08	CB237008	Võ Tiến Đạt	22/07/2005	Đồng Tháp	8,5	9,5	Đạt
09	CB237009	Huỳnh Thị Thùy Dung	31/10/2005	Đồng Tháp	8,5	8,5	Đạt
10	CB237010	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	12/08/2005	Vĩnh Long	9,5	7,5	Đạt
11	CB237011	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/02/2004	Đồng Tháp	9,5	9,0	Đạt
12	CB237012	Võ Ngọc Hà Giang	26/11/2005	Tp. Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt
13	CB237013	Đào Lê Hải	16/08/2005	An Giang	10,0	9,0	Đạt
14	CB237014	Trương Thị Trúc Hằng	06/10/2005	Tây Ninh	8,5	5,5	Đạt
15	CB237015	Nguyễn Hoàng Hân	24/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	10,0	9,0	Đạt
16	CB237016	Lê Hồng Hân	20/10/2005	Đồng Tháp	7,5	8,5	Đạt
17	CB237017	Hoàng Mai Hân	15/05/2000	Thanh Hóa	8,5	9,5	Đạt
18	CB237018	Mai Huy Hiệu	31/07/2005	Ninh Bình	7,0	1,0	Không Đạt
19	CB237019	Phạm Nguyễn Thanh Hoan	08/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	9,5	Đạt
20	CB237020	Phùng Đức Hoàng	08/06/2000	Nghệ An	9,0	8,5	Đạt
21	CB237021	Dương Văn Huân	21/02/2003	Hưng Yên	8,5	8,0	Đạt
22	CB237022	Võ Ngọc Quỳnh Hương	03/07/2005	Tây Ninh	9,5	8,0	Đạt
23	CB237023	Nguyễn Thị Thu Hương	19/04/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	8,0	Đạt
24	CB237024	Nguyễn Thái Hương	04/03/2005	Cà Mau	8,5	8,0	Đạt
25	CB237025	Huỳnh Dương Thiên Hương	30/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,0	Đạt
26	CB237026	Nguyễn Quốc Khải	21/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	5,5	Đạt
27	CB237027	Nguyễn Đặng Gia Khang	13/10/2005	Tây Ninh	9,5	8,5	Đạt
28	CB237028	Lê Văn Khánh	06/05/2002	Đồng Nai	8,5	7,5	Đạt
29	CB237029	Võ Văn Khánh	28/07/2003	Quảng Ngãi	9,0	9,0	Đạt
30	CB237030	Nguyễn Văn Khéo	06/10/2005	Đồng Tháp	8,5	5,5	Đạt
31	CB237031	Đoàn Đỗ Anh Khoa	01/11/2005	An Giang	8,5	8,0	Đạt
32	CB237032	Bùi Tấn Khoa	14/08/2004	Đồng Tháp	8,5	7,5	Đạt
33	CB237033	Phạm Thanh Khôi	10/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Đạt
34	CB237034	Trương Thị Diễm Kiều	22/06/2005	Tây Ninh	8,5	2,0	Không Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
35	CB237035	Lê Nhật Khương	21/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	7,0	8,0	Đạt
36	CB237036	Nguyễn Hoàng Lâm	03/11/2004	Tp. Hồ Chí Minh	6,5	7,0	Đạt
37	CB237037	Nguyễn Phước Lộc	12/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	7,5	Đạt
38	CB237038	Võ Văn Lộc	09/09/2005	Đồng Tháp	6,5	8,5	Đạt
39	CB237039	Trần Thị Viết Lưu	10/05/2003	Quảng Ngãi	10,0	9,5	Đạt
40	CB237040	Phạm Thị Ngọc Mai	29/01/2005	Tây Ninh	8,0	9,0	Đạt
41	CB237041	Trần Phạm Minh Mẫn	18/03/2005	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	9,5	Đạt
42	CB237042	Nguyễn Thị Hoài Mẫn	14/06/2005	Lâm Đồng	10,0	9,0	Đạt
43	CB237043	Phạm Trà Mi	15/04/2005	Tây Ninh	8,5	8,0	Đạt
44	CB237044	Nguyễn Thị Quỳnh My	22/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	8,5	Đạt
45	CB237045	Nguyễn Quách Châu Mỹ	03/03/2003	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,5	Đạt
46	CB237046	Nguyễn Thị Ti Na	16/04/2005	Tây Ninh	7,5	9,0	Đạt
47	CB237047	Đặng Phương Nam	15/01/2004	Hưng Yên	9,5	7,0	Đạt
48	CB237048	Mai Thị Kim Ngân	24/03/2005	Vĩnh Long	10,0	8,0	Đạt
49	CB237049	Phan Nguyễn Kim Ngân	01/11/2005	Đồng Tháp	9,0	9,5	Đạt
50	CB237050	Phạm Đặng Xuân Nghi	26/02/2005	Tây Ninh	9,5	9,5	Đạt
51	CB237051	Trương Cao Bảo Ngọc	29/04/2005	Đồng Tháp	9,5	8,0	Đạt
52	CB237052	Tạ Lưu Bảo Ngọc	09/10/2005	Tây Ninh	8,0	7,5	Đạt
53	CB237053	Nguyễn Thị Kim Ngọc	17/05/2005	Tp. Hồ Chí Minh	5,5	8,0	Đạt
54	CB237054	Võ Kim Ngọc	04/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,0	Đạt
55	CB237055	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	07/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	10,0	7,0	Đạt
56	CB237056	Nguyễn Lê Anh Nhân	01/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	9,0	Đạt
57	CB237057	Mai Nguyễn Thị Yến Nhi	19/12/2005	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	8,5	Đạt
58	CB237058	Lê Thị Tường Nhi	07/02/2005	Lâm Đồng	8,5	9,5	Đạt
59	CB237059	Huỳnh Đặng Thảo Như	29/09/2005	Tây Ninh	7,5	8,5	Đạt
60	CB237060	Lê Huỳnh Như	01/07/2005	Vĩnh Long	9,0	8,5	Đạt
61	CB237061	Lâm Ngọc Như	11/08/2004	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	7,5	Đạt
62	CB237062	Nguyễn Thành Tân	02/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	8,5	Đạt
63	CB237063	Trần Đức Tấn	23/08/2003	An Giang	6,5	8,5	Đạt
64	CB237064	La Thị Thảo	02/08/2004	Lâm Đồng	7,0	9,0	Đạt
65	CB237065	Lê Thị Anh Thư	03/09/2005	Tp. Hồ Chí Minh	7,5	9,0	Đạt
66	CB237066	Lê Thị Minh Thư	20/02/2005	Đồng Nai	7,5	8,0	Đạt
67	CB237067	Phạm Viết Thụ	29/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	2,5	Không Đạt
68	CB237068	Hà Vũ Huyền Trâm	19/01/2004	Đồng Nai	9,5	7,0	Đạt
69	CB237069	Trương Lê Trân	03/04/2005	Cà Mau	7,0	8,0	Đạt
70	CB237070	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	14/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	2,5	Không Đạt
71	CB237071	Nguyễn Mai Hiền Trắng	27/07/2004	Đồng Nai	10,0	8,5	Đạt
72	CB237072	Đỗ Thị Bảo Trinh	14/09/2005	Tây Ninh	6,5	7,5	Đạt
73	CB237073	Châu Phú Trọng	04/10/2005	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	8,0	Đạt

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
					LT	TH	
74	CB237074	Nguyễn Hữu Trọng	31/07/2005	Tp. Hồ Chí Minh	9,5	8,5	Đạt
75	CB237075	Dương Nhật Trường	08/06/2004	Tây Ninh	6,5	8,0	Đạt
76	CB237076	Lê Thị Kim Tuyền	11/03/2005	Tây Ninh	6,0	8,5	Đạt
77	CB237077	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	11/03/2005	Đồng Tháp	6,5	9,0	Đạt
78	CB237078	Trương Hồ Bảo Vi	28/01/2005	Tp. Hồ Chí Minh	10,0	6,5	Đạt
79	CB237079	Mai Văn Vĩ	21/11/2005	Tây Ninh	9,5	9,0	Đạt
80	CB237080	Huỳnh Ngọc Tường Vy	13/12/2003	Tây Ninh	7,0	6,5	Đạt
81	CB237081	Nguyễn Tấn Vỹ	22/11/2005	Tây Ninh	8,5	8,5	Đạt

Tổng cộng: 81 thí sinh